TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 15/3/2022.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàn

Bà Hoàng Lệ Chi

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Ngọc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 10/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1990; nơi ĐKHKTT: Số 103, tổ 7, khu phố 3, phường B, thành phố Th, Thành phố H; Có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988; nơi ĐKHKTT: Số 35/4, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy Tr trình bày:

Chị Tr và anh T tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Th,Thành phố H theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 36 ngày 10/3/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau một thời

gian phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay chị Tr nhận thấy vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 02/10/2012 và Nguyễn Ngọc Yến Nh, sinh ngày 29/7/2010. Khi ly hôn chị Tr yêu cầu được nuôi hai con, anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/con/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị Tr không yêu cầu giải quyết.

Chị Tr có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 07/01/2022 bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Anh T thống nhất lời trình bày của chị Tr về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung. Anh T xác định thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do không có tiếng nói chung. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn anh T đồng ý.

Về con chung anh T đồng ý để chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/con/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Tr khởi kiện anh T yêu cầu được ly hôn, anh T hiện đang trú tại phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh T, chị Trcó đơn xin xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị Tr theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Tr và anh T tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Th (nay là thành phố Th), Thành phố H theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 36 ngày 10/3/2010, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Quá trình tố tụng chị Tr, anh T xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hiện không còn quan tâm đến nhau nữa. Tại bản tự khai anh T cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Tr.

Xét thấy, chị Tr và anh T đều xác định trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, đã lâu cả hai không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy, hôn nhân giữa chị Tr và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Tr được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị Tr và anh T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 02/10/2012 và Nguyễn Ngọc Yến Nh, sinh ngày 29/7/2010. Chị Tr yêu cầu được nuôi hai con, anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/con/tháng.

Xét, chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, anh T cũng đồng ý để chị Tr nuôi hai con và chấp nhận cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/con/tháng. Do các đương sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy Tr đối với bị đơn anh Nguyễn Ngọc T về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Ngọc Yến V, sinh ngày 02/10/2012 và Nguyễn Ngọc Yến Nh, sinh ngày 29/7/2010 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/con/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Sau ly hôn, chị Tr và anh T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0003355 ngày 30/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Anh Thư